ĐIỀU CHỈNH VÀ MỞ RỘNG QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ TÂN QUỚI HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG ĐẾN NĂM 2030

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

TỶ LỆ : 1/5000

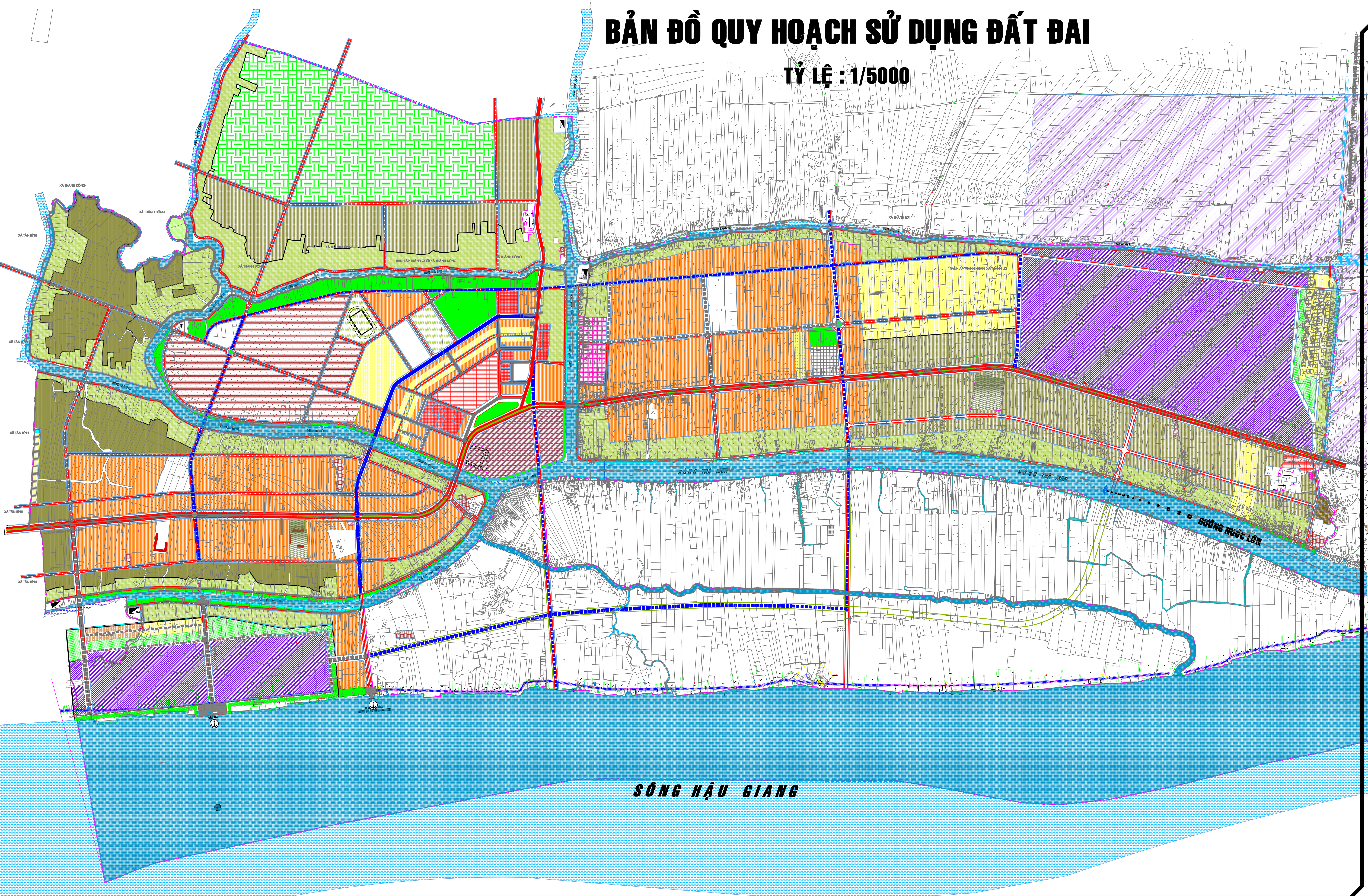

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	KÍ HIỆU	DIỆN TÍCH M2	TỶ LỆ %
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ (I + II)		14.702.645,350	99,90
I	Đất dân dụng		9.195.769,360	62,48
1	Đất ở đô thị			
1.1	Đất ở hiện hữu cải tạo chỉnh trang	HTCT	1.079.101,530	7,33
1.2	Đất ở nhà vườn có mật độ XD thấp	H2	1.233.508,730	8,38
1.3	Đất ở nhà phố TMDV có mật độ cao	H1	1.416.652,470	9,63
1.4	Đất ở khu dân cư vượt lũ, TĐC, nhà XH	DC-TĐC	406.049,760	2,76
1.5	Đất ở hỗn hợp phát triển các Trung tâm đô thị vệ tinh	HH	58.747,890	0,40
1.6	Đất ở phát triển theo dự án	PTDA	301.231,790	2,05
1.7	Đất dự án khu đô thị và tổ hợp dịch vụ nghỉ dưỡng Tân Quới	DA	3.204.938,910	21,78
2	Đất thương mại dịch vụ			
2.1	Dự án chợ Tân Quới và chỉnh trang khu dân cư ấp Thành Quới	DA-CT	86.701,300	0,59
2.2	Cửa hàng xăng dầu Huỳnh Dung	XD	1.231,090	0,01
2.3	Cửa hàng xăng dầu Tân Quới	XD	668,430	0,00
3	Đất hành chính - cơ quan - Đất phát triển	CQ	83.611,280	0,57
4	Đất trung tâm văn hóa – TDTT	VH,TDTT	42.681,430	0,29
5	Đất y tế	YT	30.985,660	0,21
6	Đất giáo dục đào tạo	GD.PTGD	71.909,660	0,49
7	Đất công trình đầu mối HTKT	XLNT,BX	31.355,430	0,21
8	Đất công viên, cây xanh cảnh quan ven sông	CV,CXVS,CXCL	300.006,000	2,04
9	Đất giao thông đô thị		846.388,000	5,75
II	Đất ngoài dân dụng		5.506.875,990	37,42
1	Đất giao thông đối ngoại		242.616,000	1,65
2	Đất giáo dục đào tạo	GD	8.371,760	0,06
3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng - di tích	TG	16.598,220	0,11
4	Đất an ninh quốc phòng	QS	31.656,980	0,22
5	Đất công nghiệp - TTCN, kho tàng	CN	1.017.278,390	6,91
6	Đất nông nghiệp công nghệ cao	CNC	557.541,580	3,79
7	Mặt nước		3.632.813,060	24,68
B	ĐẤT KHÁC		15.394,757	0,10
	Đất khác		15.394,757	0,10
	TỔNG DIỆN TÍCH (A + B)		14.718.040,107	100,00

+ Phạm vi ranh giới quy hoạch.

Vị trí, giới hạn khu vực lập Điều chỉnh và mở rộng quy hoạch bao gồm: Toàn bộ xã Tân Quới; Ấp Thành Quới và ấp Thành Khương xã Thành Đông; Ấp Thành Nhân, ấp Thành Công và ấp Thành Tâm xã Thành Lợi, với tổng diện tích khoảng: (14.718.040,1066 m²) ~14,718km².

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích	Tổng diện tích (m²)
1	Xã Tân Quới: (7 ấp) (ấp Tân Hữu; ấp Tân Thuận; ấp Tân Hòa; ấp Tân Lợi; ấp Tân Vinh; ấp Tân Hạnh; ấp Tân Đông)		8.751.118,3214
2	Thành Đông: (2 ấp)		2.556.323,0140
	ấp Thành Khương	1.270.648,0023	
	ấp Thành Quới	1.285.675,0117	
3	Thành Lợi: (3 ấp)		3.410.598,7712
	ấp Thành Nhân	1.564.662,2217	
	ấp Thành Công	1.006.707,0100	
	ấp Thành Tâm	839.229,5395	
	Tổng cộng đô thị Tân Quới		14.718.040,1066 m²

Ghi chú: (Số liệu diện tích do phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình tân cung cấp).

KÝ HIỆU:

- ĐẤT TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH,CHÍNH TRỊ
- ĐẤT TRUNG TÂM DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
- ĐẤT TRUNG TÂM TDTT
- ĐẤT TRUNG TÂM VĂN HÓA
- ĐẤT TRUNG TÂM GIÁO DỤC , ĐÀO TẠO
- ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ
- ĐẤT TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT TRUNG TÂM HỖN HỢP
- ĐẤT TRUNG TÂM DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG
- ĐẤT Ở HIỆN HỮU CẢI TẠO CHỈNH TRANG
- ĐẤT Ở NHÀ VƯỜN
- ĐẤT Ở NHÀ PHỐ KẾT HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- ĐẤT Ở CHỈNH TRANG KHU DÂN CƯ
- ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ , KHU DÂN CƯ , NHÀ Ở XH
- ĐẤT PHÁT TRIỂN DỰ ÁN
- ĐẤT HÀNH CHÍNH, CƠ QUAN
- ĐẤT CƠ QUAN BAN NHÀNH TRUNG ƯƠNG
- ĐẤT TRUNG TÂM VĂN HÓA - TDTT
- ĐẤT TRUNG TÂM GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
- ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ
- ĐẤT HỖN HỢP PHÁT TRIỂN CÁC ĐÔ THỊ VỆ TINH
- ĐẤT DỰ ÁN
- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN
- ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG - DI TÍCH
- ĐẤT AN NINH QUỐC PHÒNG
- MẶT NƯỚC
- BẾN XE
- BẾN TÀU
- QUỐC LỘ HIỆN HỮU
- ĐƯỜNG THEO QUY HOẠCH GIAO THÔNG TỈNH
- ĐƯỜNG ĐÔ THỊ HIỆN HỮU
- ĐƯỜNG ĐÔ THỊ DỰ KIẾN
- GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI
- RANH GIỚI PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH , MỞ RỘNG QUY HOẠCH (14.718.040,1066m²)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: HỘI ĐỒNG KIẾN TRÚC QH TỈNH VĨNH LONG

CƠ QUAN THỎA THUẬN: SỞ XÂY DỰNG TỈNH VĨNH LONG

CHỦ ĐẦU TƯ: PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH - HUYỆN BÌNH TÂN

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

TỶ LỆ: 1/5000

KTS. NGUYỄN CÔNG LUẬN